

CẦN XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CHO NGƯỜI TRỒNG, BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN HỆ SINH THÁI RỪNG TRÀM, GÓP PHẦN CHỐNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TOÀN CẦU

ThS. PHẠM XUÂN QUÝ

Biến đổi khí hậu, một hệ quả của sự nóng lên toàn cầu, làm tổn hại đến tất cả các thành phần của môi trường sống như nước biển dâng cao, gia tăng hạn hán, thay đổi tiểu khí hậu, gia tăng bệnh tật, thiếu hụt nguồn nước ngọt, suy giảm đa dạng sinh học và gia tăng các hiện tượng khí hậu cực đoan.

Trong nhiều lợi ích mà rừng cung cấp, hiện nay, càng ngày người ta càng nhận thức tầm quan trọng của chức năng cố định carbon. Cây gỗ đang sinh trưởng, thông qua tiến trình quang hợp, hấp thu khí carbonic và giữ ("sequestration") nó trong sinh khối gỗ. Sinh khối của thảm thực vật rừng, và chất hữu cơ trong thảm mục là nơi lưu giữ carbon giúp duy trì sự cân bằng của chu trình carbon mà sự sống trên hành tinh chúng ta đang phụ thuộc. Sự gia tăng mức CO₂ trong thế kỷ qua được xác định là nguyên nhân quan trọng của hiệu ứng nhà kính.

Theo các ước tính, với mức độ khí thải hiện nay, sự tích lũy các khí có hiệu ứng nhà kính trong khí quyển sẽ tạo ra

sự gia tăng nhiệt độ trái đất vào khoảng 0,3°C cho mỗi thập kỷ (Houghton et al., 1991). Mặc dù có nhiều ý kiến khác nhau về các hệ quả kinh tế và sinh thái của sự nóng dần lên của trái đất (Reddy và Price, 1999), nhiều nhà khoa học tin rằng các tác động tiêu cực lớn hơn nhiều so với các tác động tích cực (Bruce et al., 1996).

Để đáp lại với tình hình đó, Quy ước Khung về Khí hậu Toàn cầu của Liên Hợp Quốc (UNFCCC) được thành lập năm 1992. UNFCCC đã liệt kê bốn cơ chế chính để giảm thiểu các khí gây ra hiệu ứng nhà kính: (1) bù đắp, (2) tài chính, (3) điều hòa và (4) chính sách ngành/sử dụng đất. Nghị định thư Kyoto (1997) là kết quả hoạt động của UNFCCC đưa ra mục tiêu giảm thiểu các khí gây hiệu ứng nhà kính trong năm năm (2008-2012). Các quốc gia công nghiệp và các nước có nền kinh tế đang chuyển đổi (gọi tắt là các nước trong Phụ lục 1 của Nghị định thư) đã đồng ý giảm lượng khí thải có hiệu ứng nhà kính xuống từ 5% đến 8% so với mức

1990, và sẽ đạt được các "tiến bộ rõ rệt" vào năm mục tiêu là 2005. Mặc dù nghị định thư chưa được phê chuẩn tới mức cần thiết, điều 17 cho phép có một hệ thống thương mại quốc tế đối với các khí có hiệu ứng nhà kính. Điều 3.3 cũng nhìn nhận vai trò của lâm nghiệp trong việc hấp thụ và cố định carbon (Zeuli và Skees, 2000). Với chi phí ước tính hiện nay về chi phí giảm thiểu sự phóng thích khí carbonic ở các nguồn công nghiệp là 100-300 USD/tấn carbon (DOE, 2001), việc tìm kiếm các phương thức cố định carbon với chi phí thấp là một mục tiêu mới của các nghiên cứu về chính sách môi trường.

Vấn đề bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sống của con người thông qua việc duy trì tốt lớp phủ thực vật mà đặc biệt là các khu rừng nhiệt đới không chỉ là mục tiêu trong phạm vi từng quốc gia mà có tính toàn cầu. Trên thế giới đang xuất hiện một thị trường bù trừ và giảm thiểu carbon có thể tạo cơ hội hỗ trợ cho các hoạt động trồng rừng duy trì các diện tích rừng giữ chức năng cố định carbon. Thị trường CO₂ dần dần được hình thành. Theo nguồn <http://www.vnagency.com.vn>, 01/01/2005 thành lập thị trường mua hạn ngạch các loại khí thải gây hiệu ứng nhà kính của liên minh châu Âu (EU). Theo đó, bất kỳ một công ty, đất nước nào có lượng khí thải thấp dưới mức quy định đều có thể đem bán phần hạn ngạch khí thải "chưa dùng đến" cho một công ty

hoặc một nước khác đang cần giảm khí thải do vượt mức của nghị định thư Kyoto để tránh bị phạt tiền.

Trong nước, theo ước tính của nhóm nghiên cứu Chiến lược quốc gia về cơ chế phát triển sạch, do Bộ Tài Nguyên và Môi trường mới công bố, dự kiến Việt Nam có thể thu nhập thêm đến 250 triệu đôla từ việc bán chứng chỉ giảm phát thải trong giai đoạn từ 2008 đến 2012. Tuy nhiên, thu nhập chính xác còn phụ thuộc vào giá mua bán trên thị trường. Tiềm năng CDM (cơ chế phát triển sạch - Clean Development Mechanism) của Việt Nam chủ yếu trong lĩnh vực năng lượng (như sản xuất điện theo công nghệ sạch hơn, chuyển đổi từ nhiệt điện sang thủy điện, điện sức gió hoặc điện mặt trời, tiết kiệm năng lượng), trong lâm nghiệp (như trồng rừng, tái tạo rừng).

Nhiều tác giả đánh giá cao vai trò và giá trị to lớn của rừng tràm, của hệ sinh thái rừng tràm đối với sản xuất và đời sống kinh tế xã hội cư dân trong khu vực. Rừng tràm ngoài giá trị cho gỗ, củi còn có nhiều ý nghĩa khác, nhất là ý nghĩa về mặt sinh thái môi trường: "cây lúa, con cá" là thế mạnh của vùng đất ngập nước Tây Nam Bộ, nhưng sự phát triển của nó lại phải nằm trong sự phát triển hài hòa trong hệ sinh thái rừng tràm.

Rừng tràm là nơi tích tụ lượng khí CO₂ lớn của hệ sinh thái đất ngập nước nội địa, không những là điểm hút (sink) do các thực vật hấp thụ khí CO₂

trong chu kỳ khí CO₂ mà còn ở các lớp than bùn (peat) trên mặt đất dưới các cây trong rừng, nơi tích tụ từ bao ngàn năm thực và động vật đã chết chứa rất nhiều carbon mà nguồn là từ khí CO₂ trong bầu khí quyển. Nếu rừng bị phá không còn lớp phủ thực vật, lớp than bùn cũng sẽ không tồn tại và lượng khí CO₂ trong than bùn sẽ được thải ra lại vào bầu khí quyển, tăng cường khí hiệu ứng nhà kính gây nên biến đổi khí hậu.

Thế nhưng, độ che phủ của vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay chỉ đạt 17%, thấp hơn nhiều so với yêu cầu là 30%, cùng với rừng sác, rừng tràm góp phần chủ yếu tạo nên độ che phủ trong vùng. Theo số liệu điều tra của Phân Viện Lâm nghiệp Nam bộ, diện tích rừng tràm năm (2006) có 182.000 ha, trong những năm qua đã giảm đi hàng chục ngàn ha.

Một thực tế cho thấy, hiện nay ở đồng bằng sông Cửu Long, trên một nửa diện tích rừng tràm là của hộ gia đình nông dân, người dân giữ rừng hay đốn rừng phụ thuộc vào hiệu quả thu nhập từ rừng trên diện tích mà họ đang quản lý. Do vậy, trong những năm gần đây, nhiều hộ gia đình đã chặt bỏ tràm để chuyển sang trồng các loại cây khác do giá bán tràm thấp, trồng tràm bị thua lỗ, dẫn đến rừng tràm trong vùng đang có chiều hướng suy giảm mạnh cả về chất lượng lẫn số lượng (diện tích).

Rừng tràm bị thu hẹp về diện tích không những dẫn tới phèn hóa đất ngập nước, ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt cộng đồng, mà còn mất đi lớp phủ thực vật có chức năng hấp thụ CO₂ giảm lượng khí thải nhà kính, điều hòa khí hậu.

Để giữ cây tràm và đảm bảo người dân gắn bó lâu dài với cây tràm cần có nhiều giải pháp đồng bộ, ngoài việc nghiên cứu chế tạo ra nhiều sản phẩm phụ như: sản xuất nguyên liệu giấy, dầu tràm, than hoạt tính, đồ gỗ gia dụng... Nhà nước cũng đã có một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ cho người trồng và bảo vệ rừng. Gần đây, năm 2007 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg về một số chính sách phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2007 đến 2015, hỗ trợ một phần chi phí ban đầu nhằm khuyến khích phát triển rừng, đồng thời là để chi trả một phần giá trị môi trường do rừng trồng mang lại và bù đắp lợi nhuận thấp do tính đặc thù của nghề rừng. Tuy nhiên những chính sách này chưa thực sự hấp dẫn, nhất là đối với người trồng rừng tràm. Theo Thứ trưởng Hứa Đức Nhị, cần phải có cơ chế riêng cho cây tràm. Do vậy, đã đến lúc cần tính toán lợi ích môi trường mà rừng tràm mang lại, bổ sung chính sách chi trả hợp lý cho chủ đầu tư trồng rừng, nhất là rừng tràm để khuyến khích họ giữ, bảo vệ rừng tràm hiện có.